

Số: 2689 /TTr-UBND

Bình Dương, ngày 18 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 336/TTr-STNMT ngày 18/6/2018;

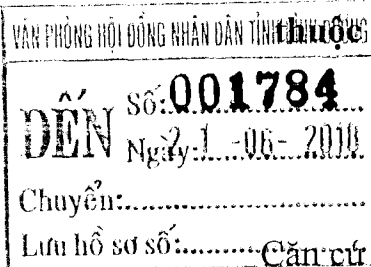
Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 về danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

1. Khái quát Nghị quyết số 31/NQ-HĐND:

Ngày 15/12/2017, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 31/NQ-HĐND về danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Theo đó số công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua là 457 với diện tích 3.747,80 ha. Trong đó:

- Số công trình, dự án thông qua mới năm 2018 là 194 với diện tích 1.535,99ha (thuộc diện thu hồi đất);

- Số dự án chuyển tiếp từ năm 2017 sang năm 2018 là 263 với diện tích 2.211,81ha; gồm: công trình, dự án thực hiện thu hồi đất là 259 với diện tích



2.199,17ha; dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 04 với diện tích 12,64ha.

2. Lý do điều chỉnh, bổ sung:

- Thứ nhất: Một số công trình khi triển khai đo đạc thực tế có sự chênh lệch diện tích, vị trí so với Nghị quyết số 31/NQ-HĐND (điều chỉnh 05 công trình, diện tích tăng 15,26ha).

- Thứ hai: Một số công trình, dự án sử dụng vốn ngân sách, nay được bổ sung vốn đầu tư trong 06 tháng cuối năm (bổ sung 15 công trình với diện tích 39,44ha).

- Thứ ba: Một số công trình, dự án có nguồn vốn đầu tư của Doanh nghiệp, do đó Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố không chủ động về thời gian đầu tư. Nay, chủ đầu tư đăng ký bổ sung vào danh mục công trình, dự án thu hồi đất để thực hiện trong năm 2018 (bổ sung 04 công trình, tương ứng diện tích 116,49ha).

- Thứ tư: Một số công trình hiện chưa được cân đối, bố trí vốn để thực hiện, đề nghị loại bỏ ra khỏi kế hoạch sử dụng đất (14 công trình, diện tích 168,64ha).

3. Nội dung điều chỉnh, bổ sung:

a) Công trình, dự án đăng ký điều chỉnh

Có 05 công trình, dự án đăng ký điều chỉnh tên, quy mô với diện tích 39,26ha (tăng thêm 15,26ha), được thực hiện trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một.

(Phụ lục 1 đính kèm)

b) Công trình, dự án đăng ký bổ sung

Bổ sung 19 công trình, dự án thực hiện theo hình thức thu hồi đất với diện tích tăng thêm 155,93ha. Trong đó:

- Thành phố Thủ Dầu Một: 05 công trình, dự án diện tích tăng thêm 16,95ha.

- Thị xã Thuận An: 04 công trình, dự án diện tích tăng thêm 4,2ha.

- Thị xã Dĩ An: 01 công trình, dự án diện tích tăng thêm 8,62ha.

- Thị xã Bến Cát: 02 công trình, dự án diện tích tăng thêm 101,45ha.

- Thị xã Tân Uyên: 04 công trình, diện tích tăng thêm 19,30ha.

- Huyện Bắc Tân Uyên: 01 công trình, dự án diện tích tăng thêm 3,0ha.

- Huyện Bàu Bàng: 02 công trình, dự án diện tích tăng thêm 2,41ha.

(Phụ lục 2 đính kèm)

4. Danh mục công trình, dự án đăng ký loại bỏ:

Có 14 công trình, dự án với diện tích 168,64ha, thuộc diện thu hồi đất được Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đăng ký loại bỏ khỏi kế hoạch sử dụng đất năm 2018. Nguyên nhân, do hiện nay các công trình, dự án này chưa được cân đối, bố trí vốn để thực hiện.

(Phụ lục 3 đính kèm)

5. Tổng hợp các dự án, công trình thực hiện trong năm 2018 sau khi điều chỉnh, bổ sung phải thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Công trình thu hồi đất

Tổng số công trình thuộc diện thu hồi đất thực hiện trong năm 2018 sau khi điều chỉnh, bổ sung là 458 công trình với diện tích 3.737,71ha. Cụ thể như sau:

- Thành phố Thủ Dầu Một: 53 công trình, dự án diện tích 160,12ha.
- Thị xã Thuận An: 43 công trình, dự án diện tích 114,33ha.
- Thị xã Dĩ An: 42 công trình, dự án diện tích 98,78ha.
- Thị xã Bến Cát: 100 công trình, dự án diện tích 1.247,54ha.
- Thị xã Tân Uyên: 40 công trình, dự án diện tích 122,42ha.
- Huyện Phú Giáo: 63 công trình, diện tích 729,63ha.
- Huyện Dầu Tiếng: 33 công trình, diện tích 132,71ha.
- Huyện Bắc Tân Uyên: 28 công trình, dự án diện tích 813,63ha.
- Huyện Bàu Bàng: 56 công trình, dự án diện tích 318,55ha.

b) Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa

Tổng số công trình, dự án chuyển mục đích có sử dụng đất trồng lúa trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Dương là 04 công trình, dự án với diện tích sử dụng đất lúa là 12,64ha. Cụ thể như sau:

- Huyện Bắc Tân Uyên: 02 công trình, dự án với diện tích 8,6ha.
- Thị xã Tân Uyên: 02 công trình, dự án với diện tích 4,04ha.

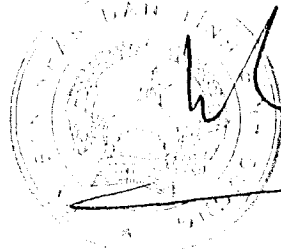
Lưu ý: Những công trình, dự án tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND không có tên trong Phụ lục kèm theo Tờ trình này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. TỰ; TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Ban KTNS – HĐND tỉnh;
- Sở: KHĐT, TC, GD&ĐT, CT, GTVT;
- Sở TNMT; Cục Thuế;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP (Lg, Th), Tn, TH;
- Lưu: VT. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm

Phụ lục I
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THUỘC DIỆN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2018
CÓ ĐIỀU CHỈNH VỀ TÊN, VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH
(Kèm theo Tờ trình số 269/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Stt	Hạng mục	Mã	Diện tích thu hồi			Địa bàn trước khi điều chỉnh		Địa bàn sau khi điều chỉnh	
			Trước điều chỉnh (ha)	Sau điều chỉnh (ha)	Chênh lệch (ha)	Xã, phường, thị trấn	Số tờ, số thửa	Xã, phường, thị trấn	Số tờ, số thửa
I. Thành phố Thủ Dầu Một: 05 công trình									
1	Khu tái định cư Phú Mỹ (khu 1)	ODT	4,50	5,62	1,12	Phú Mỹ	Tờ bản đồ số 13-1 giáp Đình Phú Hữu	Phú Mỹ	Tờ bản đồ số 13-1 giáp Đình Phú Hữu
2	Khu đô thị mới Chánh Nghĩa (tên cũ: Cải tạo, chỉnh trang đô thị khu vực tiếp giáp KDC Thành Nguyên cũ)	ODT	13,26	13,50	0,24	Chánh Nghĩa	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 20, 40, 58	Chánh Nghĩa	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 20, 40, 58
3	Mở mới và thu hồi đất vùng phụ cận đường Tạo lực 6 nối dài (tên cũ: Mở mới đường Tạo lực 6 nối dài)	DGT	1,40	4,48	3,08	Hiệp An	Từ Đại lộ Bình Dương đến nút giao Phan Đăng Lưu và Huỳnh Thi Châu	Hiệp An	Từ Đại lộ Bình Dương đến nút giao Phan Đăng Lưu và Huỳnh Thi Châu
4	Mở rộng và thu hồi đất vùng phụ cận đường DX 144 (tên cũ: Mở rộng đường DX-144)	DGT	3,34	14,16	10,82	Tương Bình Hiệp	Công trình dạng tuyến	Tương Bình Hiệp	Công trình dạng tuyến
5	Xây mới trường học (tên cũ: Xây mới trường Tạo nguồn thành phố Thủ Dầu Một (Dự án Trường Cao đẳng Đông Nam cũ)	DGD	1,50	1,50	0,00	Tương Bình Hiệp	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 101, 102, 107	Tương Bình Hiệp	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 101, 102, 107
TỔNG CỘNG: 05 công trình			24,00	39,26	15,26				

Phụ lục II
DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THUỘC DIỆN THU HỒI ĐẤT
BỔ SUNG THỰC HIỆN TRONG NĂM 2018 CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Kèm theo Tờ trình số 2629/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Stt	Hạng mục	Mã	Diện tích QH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Xã, phường, thị trấn	Vị trí, Số tờ, Số thửa	Nguồn vốn	Ghi chú, Cơ sở pháp lý
I. Thành phố Thủ Dầu Một: 05 CT			16,95		16,95				
1	Nâng cấp, mở rộng công trình Nút giao ngã ba Nguyễn Tri Phương - Bùi Quốc Khánh	DGT	0,60		0,60	Chánh Nghĩa	Công trình dạng tuyến	Ngân sách	Công văn 822/UBND-KT ngày 18/5/2018 của UBND TP. TDM
2	Xây dựng công viên giao lộ CMT8 - Ngô Quyền	DKV	0,50		0,50	Phú Cường	Thửa đất số 411, 2032, 1080, 967, 1058; 975, 974, 973, 972, 1342, 174, 141, 1139, 144, 141, tờ BĐ số 133, 131	Ngân sách	Công văn 184/UBND-KT ngày 27/04/2018 của UBND tỉnh
3	Khu nhà ở xã hội Hiệp Phát 2	ODT	0,82		0,82	Hiệp Thành	Thửa đất số 02(136), 02(137), tờ bản đồ số 07; Thửa đất số 108, tờ bản đồ số 02	Doanh nghiệp	Quyết định số 3743/QĐ-UBND ngày 29/12/2018 của UBND tỉnh
4	Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ	ODT	14,03		14,03	Chánh Mỹ	Nằm xen kẽ trong dự án	Doanh nghiệp	Quyết định 2112/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND tỉnh
5	Trường tiểu học Phú Lợi 2	DGD	1,00		1,00	Phú Lợi	Đất công	Ngân sách	Bổ sung vốn

Stt	Hạng mục	Mã	Diện tích QH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Xã, phường, thị trấn	Vị trí, Số tờ, Số thửa	Nguồn vốn	Ghi chú, Cơ sở pháp lý
II. Thị xã Thuận An: 04 CT			4,20		4,20				
1	Khu tái định cư Đồng Nhì	ODT	1,30		1,30	Lái Thiêu	Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 31	Ngân sách	Báo cáo kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn số 288/BC-TCKH ngày 30/5/2018 của Phòng Kế hoạch Tài chính thị xã
2	Khu tái định cư Bình Đức 1	ODT	1,10		1,10	Lái Thiêu	Thửa đất số 50, 365, 366, 367, 368 tờ bản đồ số 12	Ngân sách	Báo cáo kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn số 286/BC-TCKH ngày 30/5/2018 của Phòng Kế hoạch Tài chính thị xã
3	Xây dựng mới đường D4, N4 (đường vào Trường tiểu học Thuận Giao 2)	DGT	0,50		0,50	Thuận Giao	Thửa đất số 411, 2032, 1080, 967, 1058; 975, 974, 973, 972, 1342, 174, 141, 1139, 144, 141 tờ BĐ số 131, 133	Ngân sách	Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của UBND thị xã

Stt	Hạng mục	Mã	Diện tích QH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Xã, phường, thị trấn	Vị trí, Số tờ, Số thửa	Nguồn vốn	Ghi chú, Cơ sở pháp lý
4	Trường tiểu học An Phú 2	DGD	1,30		1,30	An Phú	Thửa đất số 649, 650, 651 tờ BĐ số 212	Ngân sách	Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 01/2/2016 và Văn bản số 1445/UBND-KT ngày 29/5/2018 của UBND thị xã Thuận An
III. Thị xã Dĩ An: 01 CT			8,62		8,62				
1	Rạch Cái Cầu	DTL	8,62		8,62	Tân Đông Hiệp, Bình An	công trình dạng tuyến	Ngân sách	Công văn 115/CV-BQL ngày 4/4/2018 của Ban QLDA ngành Nông nghiệp và PTNT và CV 907/UBND-KT ngày 14/4/2018
IV. Thị xã Bến Cát: 02 CT			101,45		101,45				
1	Dự án mở rộng nghĩa trang công viên Bình Dương	NTD	100,0		100,0	Chánh Phú Hòa	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 28	Doanh nghiệp (Công ty CP Đầu tư xây dựng Chánh Phú Hòa)	Văn bản số 663/UBND-KTN ngày 13/02/2018 của UBND tỉnh

Stt	Hạng mục	Mã	Diện tích QH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Xã, phường, thị trấn	Vị trí, Số tờ, Số thửa	Nguồn vốn	Ghi chú, Cơ sở pháp lý
2	Công trình tuyến kè sông Thị Tính	DTL	1,5		1,5	Mỹ Phước	Công trình dạng tuyến	Doanh nghiệp (Cty CP Đầu tư và Phát triển Thuận Lợi)	Chủ trương chấp thuận của UBND tỉnh tại Công văn số 4860/UBND-KTTH ngày 20/12/2016; Công văn số 1530/UBND-KT ngày 15/6/2018 của UBND thị xã Bến Cát
V. Thị xã Tân Uyên: 04 CT			19,3		19,3				
1	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a (đoạn từ Thái Hòa đến Uyên Hưng)	DGT	15,00		15,00	Thái Hòa, Thạnh Phước Khánh Bình Uyên Hưng	Công trình dạng tuyến	Ngân sách	Quyết định số 3609/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của tỉnh Bình Dương
2	Mở rộng Trường THPT Tân Phước Khánh	DGD	0,22		0,22	Tân Phước Khánh	Thửa đất số 7, tờ bản đồ 34	Ngân sách	Công văn số 1517/UBND-KTTH ngày 08/5/2018 của UBND thị xã Tân Uyên

Stt	Hạng mục	Mã	Diện tích QH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Xã, phường, thị trấn	Vị trí, Số tờ, Số thửa	Nguồn vốn	Ghi chú, Cơ sở pháp lý
3	Xây dựng Trường THPT Thái Hòa	DGD	3,94		3,94	Thái Hòa	Tờ bản đồ số 12	Ngân sách	Công văn số 3292/UBND-KTTH ngày 23/9/2016 của UBND thị xã Tân Uyên; Được sử dụng từ đất trồng lúa
4	Đường dây 110kV Phú Giáo - Trạm biến áp 220kV Uyên Hưng (đoạn thuộc địa bàn thị xã Tân Uyên)	DNL	0,14		0,14	Hội Nghĩa	Công trình dạng tuyến	Công ty Điện lực miền Nam (Ban QLDA Điện lực miền nam)	Công văn số 3235/A ĐMN-QLCTĐ1 ngày 21/5/2018 của Ban QLDA Điện lực miền Nam
VI. Huyện Bắc Tân Uyên: 01 CT			3,00		3,00				
1	Trường THPT Lê Lợi	DGD	3,00		3,00	Tân Thành	Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 37	Ngân sách	Văn bản số 5238/UBND-KTTH ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh
VII. Huyện Bàu Bàng: 02 CT			2,41		2,41				
1	Trường trung học phổ thông Bàu Bàng	DGD	1,41		1,41	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Ngân sách	Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của UBND huyện Bến Cát (Đất Becamex bàn giao, đã xây dựng trường và đi vào hoạt động)

Stt	Hạng mục	Mã	Diện tích QH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Xã, phường, thị trấn	Vị trí, Số tờ, Số thửa	Nguồn vốn	Ghi chú, Cơ sở pháp lý
2	ĐH-615 (Đường nhựa Long Nguyên-Long Tân)	DGT	1,00		1,00	Long Nguyên	Tờ bản đồ số 26 (Đoạn nhà ông 5 Đề đến đất bà Đặng Thị Niều)	Ngân sách	Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 23/01/2006 của UBND tỉnh
TỔNG CỘNG: 19 công trình			155,93		155,93				

Phụ lục III

DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH KHÔNG THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2018

*(Kèm theo Tờ trình số: 2679 /TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

Stt	Tên công trình	Diện tích (ha)	Vị trí	Xã, phường, thị trấn
I. Thành phố Thủ Dầu Một: 14 công trình		168,64		
1	Đường Vành Đai 3	17,50		Phú Hòa
2	Hoa viên Khu phố 8	0,08	Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 48	Phú Hòa
3	Hoa viên Khu phố 6	0,11	Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 463	Phú Hòa
4	Hoa viên đường DX 124 - Khu phố 5	0,07	Thửa đất số 2362, 2610, tờ bản đồ số 8	Tân An
5	Hoa viên Khu phố 6	0,05	Thửa đất số 238, tờ bản đồ số 132	Tân An
6	Hoa viên Khu phố 6	0,06	Thửa đất số 2042, tờ bản đồ số 122	Tân An
7	Hoa viên Khu phố 8	0,01	Thửa đất số 2035, tờ bản đồ số 132	Tân An
8	Hoa viên giao lộ DX 131-133	0,07	Thửa đất số 23942, 3943, tờ bản đồ số 16	Tân An
9	Công viên cây xanh theo tuyến Đại lộ Đông Tây	150,00	Dọc theo tuyến Đại lộ Đông Tây	Tân An
10	Hoa viên tại khu đất công khu phố Chánh Lộc 1	0,13	Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60	Chánh Mỹ
11	Hoa viên tại khu đất công khu phố Chánh Lộc 3	0,50	Thửa đất số 368, 385, tờ bản đồ số 4	Chánh Mỹ
12	Hoa viên tại giao lộ đường Phan Bội Châu và Lý Tự Trọng - Xóm Guốc	0,06	Đường Phan Bội Châu và Lý Tự Trọng - Xóm Guốc	Phú Thọ
13	Hoa viên dọc đường Hồ Văn Cống và rạch bà Sảng		Dọc đường Hồ Văn Cống và rạch bà Sảng	Tương Bình Hiệp
14	Hoa viên giao lộ đường TTHC và đường vào UBND phường	0,11	Thửa đất số 265, tờ bản đồ số 09	Hiệp An
TỔNG CỘNG: 14 công trình		168,64		